TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 189/2023/DS-ST
Ngày: 21/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến - *Thư ký tòa án nhân dân quận Gò Vấp.*

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên Tòa*:** Bà **Lê Thị Thu Phượng -** Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐXX-DS ngày 05 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2023/QĐ-HPT ngày 29/05/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; Địa chỉ: Lầu 8, 266 -268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Công ty SBA). Đại diện theo pháp luật của công ty ông Lê Ngọc Tuấn. Chức vụ: Tổng giám đốc. Là người đại diện theo pháp luật của Công ty SBA theo giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302847233, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 12/10/2022. Đại diện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày

12/10/2022 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến Thẻ tín dụng và Tín dụng tiêu dùng.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng ông Trần Đức Thắng.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thành T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số A đường L, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2022 nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/09/2017 ông Trần Thành T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín gọi tắt là Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Thành T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 121.820.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 74.040.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/08/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Tính đến ngày 21/6/2023 ông T còn nợ gốc 52.157.673 đồng, lãi quá hạn 99.298.199 đồng, tổng cộng 151.455.872 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng). Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Trần Thành T thanh toán toàn một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật bộ số nợ trên. Buộc ông Trần Thành T phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 22/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ để đến Tòa ghi bản tự khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;

Về tố tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với ông Trần Thành T nhận thấy: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện Kiểm sát và cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi tranh tụng, đúng pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sụ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện ông Trần Thành T về hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ông Trần Thành T có ghi hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số A đường L, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông Trần Thành T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Căn cứ trình bày của đại diện nguyên đơn trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/09/2017, ông Trần Thành T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài

Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Thành T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 121.820.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 74.040.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/08/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Tính đến ngày 21/6/2023 ông T còn nợ gốc: 52.157.673 đồng, lãi quá hạn: 99.298.199 đồng, tổng cộng: 151.455.872 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng). Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Trần Thành T thanh toán toàn một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ trên. Buộc ông Trần Thành T phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 22/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Như vậy giữa ông Trần Thành T và Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với bị đơn ông Trần Thành T.

Buộc ông Trần Thành T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến ngày 21/6/2023 là 151.455.872 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 52.157.673 đồng, lãi quá hạn: 99.298.199 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/6/2023 cho đến khi ông Trần Thành T trả dứt nợ.

2. Về án phí:

Ông Trần Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.572.739 đồng.

Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được hoàn lại số tiền 3.501.846 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0012553 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP.HCM;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSNDTP.HCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Chu Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình